

Bản án số: 52 /2024/HS- PT

Ngày: 25 - 4 - 2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Dương Văn Bản

*Các thẩm phán:* 1. Ông Bằng Công Hiệp

2. Bà Trần Thị Nhài

**- Thư ký phiên toà:** Bà Diệp Thu Trang - thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà:**  
Bà Đình Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 136/2023/TLPT-HS ngày 27/12/2023 do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hồng Q với bản án hình sự sơ thẩm số 84/2023/HS-ST ngày 23/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

**\* Bị cáo có kháng cáo:** Nguyễn Hồng Q (Tên gọi khác: Nguyễn Văn Q1); Sinh năm: 1977 tại Hải Dương; Nơi thường trú: Thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa: lớp 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn K – sinh năm 1954 (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị T – sinh năm 1952; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1985; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2004; con nhỏ sinh năm 2007; Tiền sự: Không có; Tiền án: 02.

+ Tại bản án số 26/2013/HSST ngày 01/8/2013 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, xử phạt Nguyễn Hồng Q 03 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/6/2016.

+ Tại bản án số 21/2017/HSST ngày 27/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, xử phạt Nguyễn Hồng Q 45 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/8/2020.

- Nhân thân:

+ Ngày 31/5/2001 bị Toà án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xử phạt 15 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” (Bản án số 10/2001/HSST).

+ Ngày 25/6/2004 bị Toà án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xử phạt 27 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” (Bản án số 12/2004/HSST).

+ Ngày 16/11/2006 bị Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xử phạt 39 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (Bản án số 48/2006/HSST).

+ Tại bản án số 185/2021/HSST ngày 04/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt Nguyễn Hồng Q 04 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 17/4/2021.

+ Tại bản án số 01/2022/HSST ngày 14/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, xử phạt Nguyễn Hồng Q 02 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt 04 năm tù của bản án số 185/2021/HSST ngày 04/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, buộc Nguyễn Hồng Q phải chịu hình phạt chung của 02 bản án là 06 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/4/2021.

Hiện bị cáo đang là phạm nhân chấp hành hình phạt tù tại Trại giam T4 – Bộ C1. (Có mặt)

**\*Người bị hại:** Anh Nguyễn Viết X – sinh năm 1975; Trú tại: Xóm S, xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt)

**\*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Chiến T1 – sinh năm 1967; Trú tại: Tổ D, phường T, TP., tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt)

2. Anh Đông Xuân L – sinh năm 1981; Trú tại: Tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt)

**\* Những người làm chứng:**

1. Anh Từ Văn C – sinh năm 1961; Trú tại: Xóm S, xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Văn T2 – sinh năm 1983; Trú tại: Xóm Đ, xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hồng Q (còn có tên gọi khác là Nguyễn Văn Q1), sinh năm: 1977, trú tại thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương, là đối tượng sống lang thang không có nghề nghiệp ổn định. Ngày 03/4/2021, Q1 một mình đi đến huyện P, tỉnh Thái Nguyên, mục đích để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, buổi sáng cùng ngày Q1 đến khu vực chợ xã P, huyện P nói với mọi người là muốn tìm thuê 03 người đi bóc đầu mẩu gỗ và đóng mìn cửa ở các xưởng chế biến gỗ gần đó, tiền công là 500.000đ/người/ngày. Biết được thông tin này, Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1974, trú tại xóm T, xã P đã cho Q1 số điện thoại của anh Nguyễn Viết X, trú tại xóm S, xã P để Q1 liên hệ với anh X. Sau đó, Q1 gọi điện

cho anh X đặt vấn đề thuê 03 người đi bóc đầu mẫu gỗ, tiền công là 500.000đ/người/ngày, anh X đồng ý rồi gọi thêm anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1983, trú tại xóm Đ, xã P, anh Nguyễn Tiến L1 trú tại xóm P, xã H đi làm cùng. Q1 hẹn anh X 14 giờ cùng ngày đợi ở ngã ba đầu đường rẽ từ thị trấn Đ vào xã P để đi làm, mục đích của Q1 là để tìm cách lừa đảo chiếm đoạt tài sản có giá trị của những người này.

Sau khi thỏa thuận với anh X như trên, Q1 thuê xe ôm của anh Nguyễn Quang L2, sinh năm 1970, trú tại tổ dân phố C, thị trấn Đ, đưa đến xưởng gỗ bóc của anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1982, ở tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện P, để hỏi mua đầu mẫu gỗ và mùn cưa, anh H1 đồng ý bán. Q1 hẹn khoảng 14 giờ cùng ngày sẽ vào bóc gỗ và thanh toán tiền. Sau đó Q1 còn đi đến mấy xưởng gỗ gần đó để hỏi mua đầu mẫu gỗ và mùn cưa, tiếp đó Q1 bảo L2 đưa xuống khu vực thị trấn G để tìm thuê xe ô tô tải chở gỗ, khoảng 12 giờ 30 phút Q1 đến gara ô tô của ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1968, trú tại tổ dân phố G, thị trấn G, P, hỏi thuê 01 xe ô tô tải để chở gỗ từ P về P, ông D đồng ý cho Q1 thuê với giá cước vận chuyển là 2.200.000đ/chuyến, Q1 chưa trả tiền. Đến 13 giờ 40 phút cùng ngày, ông D gọi điện thoại cho anh Đỗ Văn T3 là lái xe thuê cho ông D, đến nhà ông D nhận xe ô tô tải BKS: 20C-10647 để điều khiển đi chở hàng thuê cho Q1 như đã thỏa thuận. Anh T3 nhận xe rồi cùng Q1 đi lên thị trấn Đ, khi đến ngã ba đường rẽ vào Phủ lý thì gặp anh X; T2; L1 đứng đợi ở đó, Quang dẫn nhóm người trên vào xưởng gỗ bóc của anh H1 để bóc đầu mẫu gỗ lên xe ô tô, lúc này, tại xưởng gỗ còn có anh Lý Xuân Đ, sinh năm 1986, trú tại xóm T, xã P, huyện P cũng đến để bóc gỗ thuê cho Q1 (anh Đ tự liên hệ với Q1 để đi bóc gỗ thuê, không thuộc nhóm của anh X), lúc này Q1 nói với anh X là gọi thêm 02 người nữa để đi đóng mùn cưa ở xưởng gỗ ngoài thị trấn Đ, anh X đồng ý rồi gọi anh Từ Văn C, sinh năm 1960, chị Đàm Thị Kim H2, sinh năm 1984, đều trú tại xóm S, xã P ra làm cùng, khi anh C và chị H2 đến nơi thì Q1 bảo anh X; C, chị H2 cùng với Q1 ra xưởng gỗ của chị Mai Thị L3, sinh năm 1975, ở tổ dân phố C, thị trấn Đ để đóng mùn cưa, anh X chở Q1 bằng xe mô tô của mình, chị H2, anh C đi chung một xe, đến nơi Q1 vào gặp chị L3 hỏi mua mùn cưa, chị L3 đồng ý bán với giá 20.000đ/bao. Q1 đồng ý mua nhưng chưa đóng bao ngay mà tiếp tục bảo anh X, chị H2, anh C cùng đi đến xưởng gỗ bóc của anh Nguyễn Đức Q2, ở tổ dân phố T, thị trấn Đ để bóc đầu mẫu gỗ và đóng bao mùn cưa. Lúc này Q1 thấy xe mô tô của anh X là có giá trị nên nảy sinh ý định chiếm đoạt, tại đây Q1 nói với anh X là đưa xe mô tô cho Q1 điều khiển để chở anh C xuống Bờ Đ1, xã C để lấy bao tải lên đóng mùn cưa, anh X đồng ý giao chìa khóa và xe mô tô cho Q1, lúc này Q1 nói tiếp với anh X là đưa giấy tờ xe cho C vì sợ đi đường gặp Cảnh sát giao thông kiểm tra, anh X không nghi ngờ gì nên lấy giấy toàn bộ tờ xe gồm đăng ký, bảo hiểm, Chứng minh thư nhân dân, giấy phép lái xe mô tô hạng A1 của anh X đưa cho anh C giữ. Q1 điều khiển xe rồi cùng anh C đi xuống xã C, khi đến quán nước ven đường thuộc khu vực xóm Đ, xã C, Q1 bảo anh C vào quán uống nước ngồi đợi để Q1 đi lấy bao tải, đồng thời bảo anh C đưa giấy tờ xe cho Q1, anh C đưa toàn bộ giấy tờ xe mô tô của anh X cho Q1 rồi ngồi đợi, đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày không thấy Q1 quay lại nên đã gọi điện báo cho anh X, anh X gọi điện theo số điện

thoại đã giao dịch với Q1 trước đó nhưng không liên lạc được, hỏi những người trong nhóm thì không ai biết tên Q1 và Q1 là người ở đâu, biết là bị lừa nên anh X đã đến Công an thị trấn Đ và Công an huyện P trình báo sự việc.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 27/KL- HĐĐGTS ngày 26/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện P, đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Dream, BKS 20N3- 9415, kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá là 8.450.000đ (tám triệu, bốn trăm năm mươi nghìn VNĐ)

Về phía Q1, sau khi chiếm đoạt được chiếc xe mô tô BKS 20N3- 9415 của anh X đã di chuyển về phía thành phố T, khi đến cửa hàng mua bán xe mô tô của anh Nguyễn Chiến T1, sinh năm 1967, trú tại tổ D, phường T, thành phố T, bán chiếc xe trên cho anh T1 được 11.000.000đ (Mười một triệu VNĐ), Q1 viết 01 giấy mua bán xe mô tô với anh T1 và lấy tên là Nguyễn Viết X, sinh năm 1975, trú tại xã P, huyện P. Sau khi mua chiếc xe trên khoảng một tháng thì anh T1 bán lại chiếc xe mô tô trên cho anh Đồng Xuân L, sinh năm 1981, trú tại tổ A, xã P, thành phố T với giá 22.000.000đ (hai mươi hai triệu VNĐ), sau đó anh L đã đổi chiếc xe mô tô BKS 20N3- 9415 này cho anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1983, trú tại xóm L, xã V, huyện P, L lấy xe mô tô BKS 20F4- 12.09 của anh B và anh B phải trả thêm cho L 6.000.000đ (Sáu triệu VNĐ), anh B yêu cầu L phải làm thủ tục sang tên trong đăng ký xe từ tên anh Nguyễn Viết X sang tên của anh B, L đồng ý. Ngày 29/9/2021 L điều khiển chiếc xe mô tô BKS 20N3- 9415 đến nhà gặp anh X xin xác nhận để làm thủ tục sang tên chủ sở hữu, anh X đã trình báo Công an xã P và Công an huyện P, thu giữ chiếc xe mô tô BKS 20N3- 9415 để làm rõ, ngày 04/10/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh Nguyễn Viết X là chủ sở hữu hợp pháp quản lý, sử dụng.

Đối với Nguyễn Hồng Q, sau khi lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô của anh X như trên, Q đến thành phố B, tỉnh Bắc Giang, tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, ngày 26/4/2021 bị Công an thành phố B khởi tố, bắt tạm giam. Qua nhận dạng anh X, anh C đều xác định chính Q là người ngày 03/4/2021 đã lừa đảo, chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS 20N3- 9415 của anh X tại thị trấn Đ, huyện P, giám định chữ viết trong giấy bán xe viết tay do Q viết bán chiếc xe mô tô BKS 20N3- 9415 cho anh T1 ngày 03/4/2021 tại thành phố T, với các bản tự khai do Q viết trong quá trình xác minh, kết luận là do cùng một người viết ra.

Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo Nguyễn Hồng Q không thừa nhận ngày 03/4/2021 đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là 01 xe mô tô BKS 20N3- 9415 của anh X tại thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên như nêu trên, tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như lời khai của bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết quả nhận dạng, kết luận giám định chữ viết, kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ, lời khai người làm chứng, người chứng kiến...có đủ căn cứ xác định, ngày 03/4/2021, tại thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Nguyễn Hồng Q đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là 01 xe mô tô BKS 20N3- 9415 trị giá 8.450.000đ của anh Nguyễn Viết X như nêu trên

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 84/2023/HS-ST ngày 23/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng Q phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: Điều 38; điểm b, d khoản 2 Điều 174; khoản 1 Điều 56; 48 của BLHS. Điều 170 của BLDS. Điều 136 của BLTTHS. NQ 326 của UBTVQH.

**Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Hồng Q (Nguyễn Văn Q1): 04 (B1) năm tù. Tổng hợp hình phạt của bản án số 01/2022/HS-ST ngày 14/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái đối với Nguyễn Hồng Q (Nguyễn Văn Q1) là 06 năm 06 tháng. Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành là 10 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 17/4/2021.

**\* Về trách nhiệm dân sự:**

- Buộc Nguyễn Hồng Q (Nguyễn Văn Q1) bồi thường cho anh Nguyễn Chiến T1 số tiền là 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng chẵn).

**\* Về án phí:** Buộc bị cáo Q1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 800.000 đồng án phí dân sự sung công quỹ

Ngoài ra bản án còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cũng như các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Án sơ thẩm xử xong; Ngày 01/12/2023 bị cáo kháng cáo kêu oan đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án.

Tại tòa hôm nay bị cáo rút kháng cáo kêu oan đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại phần bị cáo phải bồi thường cho anh T1 số tiền 16 triệu đồng như án sơ thẩm quyết định là chưa phù hợp; Bởi lẽ bị cáo cho rằng khi bị cáo giao dịch bán xe cho anh T1 hai bên thỏa thuận giá trị của chiếc xe đó chỉ có 11 triệu đồng ngoài ra bị cáo không có yêu cầu nội dung nào khác.

Trong phần phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích đánh giá tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các vấn đề liên quan đến kháng cáo của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ: Điểm b, khoản 1, Điều 355, điểm d, khoản 1, Điều 357 – BLTTHS. Sửa bản án sơ thẩm số 84/2023/HSST ngày 23/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên về phần bồi thường trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Hồng Q (Nguyễn Văn Q1) phải bồi thường cho anh Nguyễn Chiến T1 số tiền là 11.000.000 đồng.

Do bị cáo rút nội dung kháng cáo kêu oan nên giữ nguyên hình phạt và tội danh đối với bị cáo.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại phần bồi thường dân sự cho bị cáo

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Đơn kháng cáo của bị cáo được làm trong thời hạn luật định và đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

**[3] Xét kháng cáo của bị cáo**

\* **Xét về tội danh hình phạt:** Tại tòa bị cáo đã rút nội dung kháng cáo kêu oan nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với nội dung này.

\* **Về bồi thường thiệt hại:** Cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Chiến T1 số tiền là 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng chẵn); Tại tòa bị cáo và anh Nguyễn Chiến T1 thỏa thuận thống nhất mức bồi thường là 11 triệu đồng theo đúng như giấy mua bán giữa bị cáo và anh Nguyễn Chiến T1; Xét thấy thỏa thuận trên có căn cứ không trái pháp luật không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận; Để đảm bảo quyền lợi ích chính đáng cho người mua xe ngay tình (Anh Nguyễn Chiến T1) cần phải áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự buộc bị cáo phải thực hiện bồi thường.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

\* **Về án phí dân sự:** Do có thay đổi về mức bồi thường nên cần sửa quyết định xử lý vật chứng cho phù hợp theo đúng quy định.

[6] Các quyết định khác không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hồng Q; sửa bản án sơ thẩm số 84/2023/HS-ST ngày 23/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên về phần bồi thường trách nhiệm dân sự.

\***Về trách bồi thường trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 170; 584, 585, 586, 589; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Hồng Q (Nguyễn Văn Q1) bồi thường cho anh Nguyễn Chiến T1 số tiền là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng chẵn).

*Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

*Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có*

*quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**2. Về án phí:** Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Hồng Q phải chịu 550.000 đồng án phí dân sự sung công quỹ.

**3.** Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Lương
- TAND huyện Phú Lương;
- Công an huyện Phú Lương;
- THADS ; huyện Phú Lương;
- Bị cáo; người TGTT;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**DƯƠNG VĂN BẢN**